

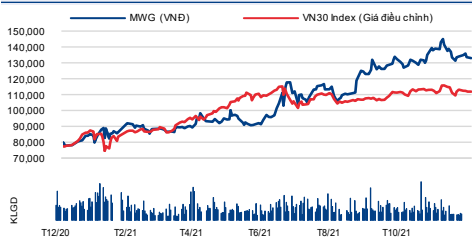
## Mua vào

Giá mục tiêu: VND181,300  
Tiềm năng tăng/giảm: 36.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/12/2021)	133,000
Mã Bloomberg	MWG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	77,467-145,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	133,700
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	94,817
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,135
Slg CP lưu hành (tr.đv)	713
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	349
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0.00
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	49.0%
Tỷ lệ freefloat	82.6%
Cổ đông lớn	Thế Giới Bán Lẻ (7.19%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

## Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

## Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-20A	12-21F	12-22F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	108,546	119,107	133,047
EBITDA đc (tỷ đồng)	7,412	8,635	10,860
LNTT (tỷ đồng)	5,410	6,352	8,140
LNT ĐC (tỷ đồng)	3,918	4,838	6,404
FCF (tỷ đồng)	6,881	(263)	4,428
EPS ĐC (đồng)	5,769	6,841	8,782
DPS (đồng)	1,500	1,500	1,500
BVPS (đồng)	34,185	27,310	34,150
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	15.5	16.5	25.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(0.03)	(21.6)	29.4
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	6.83	7.25	8.16
Tỷ suất LNTT (%)	4.98	5.33	6.12
Tỷ suất LNT ĐC (%)	3.61	4.06	4.81
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	17.3	22.1	17.1
Nợ thuần/VCSH (%)	61.3	74.7	48.3
ROAE (%)	28.4	27.7	28.8
ROACE (%)	34.9	29.7	28.9
EV/doanh thu (lần)	0.64	0.92	0.82
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.39	12.7	10.0
P/E ĐC (lần)	23.1	19.4	15.1
P/B (lần)	3.89	4.87	3.89
Lợi suất cổ tức (%)	1.13	1.13	1.13

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

## Mô tả doanh nghiệp

MWG là nhà bán lẻ điện thoại di động, điện máy và bách hóa hàng đầu ở Việt Nam.

## Chuyên viên phân tích

**Trần Hương Mỹ**  
Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng  
my.th@hsc.com.vn  
+84 28 3823 3299 Ext. 362

## Tháng 11/2021: Vượt nhẹ dự báo

- KQKD tháng 11/2021 của MWG tiếp tục khả quan với doanh thu thuần tăng 25% và vượt 15% dự báo của chúng tôi. Trong khi đó, lợi nhuận thuần tăng 55% và vượt 6% dự báo của chúng tôi.
- Lũy kế 11 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận thuần đạt 91% dự báo cả năm 2021 của HSC.
- Công ty công bố kế hoạch năm 2022 với doanh thu thuần và lợi nhuận thuần lần lượt đạt 140.000 tỷ đồng và 6.350 tỷ đồng. Kế hoạch lợi nhuận thuần của Công ty sát với dự báo hiện tại của chúng tôi là 6.404 tỷ đồng (tăng trưởng 32%).
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu theo phương pháp DCF là 181.300đ. Chúng tôi cũng giữ nguyên dự báo của mình.

## Sự kiện: Công bố KQKD tháng 11/2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022

MWG công bố KQKD tháng 11/2021 với doanh thu thuần và lợi nhuận thuần cao hơn so với dự báo của chúng tôi. Doanh thu thuần đạt 11.524 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ nhưng thấp hơn 5% so với tháng 10/2021 (tháng đầu tiên mở cửa trở lại). Lợi nhuận thuần đạt 489 tỷ đồng, tăng 55% so với cùng kỳ nhưng giảm 14% so với tháng trước. Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần cao hơn lần lượt 15% và 6% so với dự báo của chúng tôi lần lượt là 10.048 tỷ đồng và 461 tỷ đồng.

Lũy kế 11 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần tăng 11% so với cùng kỳ đạt 110.530 tỷ đồng, đạt 93% dự báo cả năm 2021 của chúng tôi. Lợi nhuận thuần tăng 22% so với cùng kỳ đạt 4.395 tỷ đồng, đạt 91% dự báo cả năm 2021 của HSC. KQKD 11 tháng đầu năm 2021 vượt nhẹ dự báo của chúng tôi.

## TGDĐ & ĐMX: Vượt dự báo

Trong tháng 11/2021, tổng doanh thu thuần của TGDĐ & ĐMX đạt 9.740 tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ và vượt 25% dự báo của chúng tôi là 7.813 tỷ đồng. Kết quả này là nhờ tăng trưởng hai con số của doanh thu các sản phẩm công nghệ (điện thoại, máy tính xách tay và máy tính bảng) khi được hưởng lợi từ xu hướng hoạt động trực tuyến ngày càng gia tăng cũng như sự hồi phục của doanh số hàng điện tử và điện lạnh.

Trong 11 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần của TGDĐ & ĐMX tăng 5% so với cùng kỳ đạt 83.800 tỷ đồng, đạt 93% dự báo cả năm 2021 của chúng tôi và vượt dự báo của chúng tôi.

*Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/12*

(Xem tiếp trang 2)

**Bảng 1: KQKD tháng 11 và 10 tháng đầu năm 2021, MWG**

(tỷ đồng)	T11/20	T11/21	y/y	T11/21 dự báo	% hoàn thành	11T/20	11T/21	y/y
Doanh thu thuần	9,202	11,524	25%	10,048	115%	99,304	110,530	11%
TGDĐ + ĐMX	7,168	9,740	36%	7,813	125%	80,138	83,800	5%
BHX	2,034	1,800	-12%	2,200	82%	19,166	26,300	37%
LNST	316	489	55%	461	106%	3,599	4,395	22%
Tỷ suất LN thuần	3.4%	4.2%		4.6%		3.6%	4.0%	

Nguồn: MWG, HSC Research

**BHX: Thấp hơn dự báo**

Doanh thu thuần tháng 11/2021 của BHX chỉ là 1.800 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ và thấp hơn 18% so với dự báo của chúng tôi là 2.200 tỷ đồng. Theo BLĐ, điều này là do nhu cầu các sản phẩm FMCG thấp.

Trong 11 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần BHX tăng 37% so với cùng kỳ đạt 26.300 tỷ đồng, đạt 91% dự báo cả năm 2021 của chúng tôi.

**Kế hoạch lợi nhuận thuần năm 2022 của MWG sát với dự báo của chúng tôi**

MWG cũng công bố kế hoạch kinh doanh năm 2022. Công ty đặt kế hoạch doanh thu thuần và lợi nhuận thuần lần lượt là 140.000 tỷ đồng (tăng trưởng 18% so với dự báo năm 2021 của chúng tôi) và 6.350 tỷ đồng (tăng trưởng 31% so với dự báo năm 2021 của chúng tôi).

Kế hoạch doanh thu thuần của MWG cao hơn 5% so với dự báo của chúng tôi là 133.047 tỷ đồng trong khi kế hoạch lợi nhuận thuần sát với dự báo của chúng tôi là 6.404 tỷ đồng.

**Bảng 2: Kế hoạch năm 2022 của MWG**

(tỷ đồng)	2021 - HSC dự báo	2022 - kế hoạch Cty	y/y%	2022 -HSC dự báo	2022 - kế hoạch Cty so với HSC forecast
Doanh thu thuần	119,107	140,000	18%	133,047	105%
LNST	4,838	6,350	31%	6,404	99%

*Nguồn: MWG, HSC Research*

**HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo**

HSC hiện dự báo lợi nhuận thuần năm 2022 và 2023 lần lượt đạt 6.404 tỷ đồng (tăng trưởng 32%) và 7.925 tỷ đồng (tăng trưởng 24%). Chúng tôi duy trì dự báo, khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu là 181.300đ.

**BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt**

<b>Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)</b>	<b>12-19A</b>	<b>12-20A</b>	<b>12-21F</b>	<b>12-22F</b>	<b>12-23F</b>
Doanh thu	102,174	108,546	119,107	133,047	145,318
Lợi nhuận gộp	19,488	23,954	27,677	31,594	35,684
Chi phí BH&QL	(14,511)	(18,738)	(21,743)	(24,034)	(26,410)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
<b>EBIT</b>	<b>4,977</b>	<b>5,216</b>	<b>5,934</b>	<b>7,560</b>	<b>9,274</b>
Lãi vay thuần	30.8	200	412	580	636
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(3.47)	(3.71)	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	49.4	(2.61)	6.29	0	0
<b>LNTT</b>	<b>5,053</b>	<b>5,410</b>	<b>6,352</b>	<b>8,140</b>	<b>9,910</b>
Chi phí thuế TNDN	(1,217)	(1,490)	(1,512)	(1,733)	(1,982)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.97)	(2.10)	(2.18)	(2.88)	(3.57)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>3,834</b>	<b>3,918</b>	<b>4,838</b>	<b>6,404</b>	<b>7,925</b>
<b>Lợi nhuận thuần ĐC</b>	<b>3,834</b>	<b>3,918</b>	<b>4,838</b>	<b>6,404</b>	<b>7,925</b>
<b>EBITDA ĐC</b>	<b>6,420</b>	<b>7,412</b>	<b>8,635</b>	<b>10,860</b>	<b>13,013</b>
EPS (đồng)	8,657	8,654	6,787	8,782	10,602
EPS ĐC (đồng)	5,771	5,769	6,841	8,782	10,602
DPS (đồng)	1,500	1,500	1,500	1,500	2,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	443	453	713	729	747
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	443	453	713	731	749
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	664	679	713	731	749

<b>Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)</b>	<b>12-19A</b>	<b>12-20A</b>	<b>12-21F</b>	<b>12-22F</b>	<b>12-23F</b>
Tiền & tương đương tiền	3,115	7,348	4,292	6,060	8,597
Đầu tư ngắn hạn	3,137	8,057	7,000	8,000	9,000
Phải thu khách hàng	1,815	1,703	3,501	3,794	4,052
Hàng tồn kho	25,745	19,422	21,896	25,874	30,193
Các tài sản ngắn hạn khác	1,199	895	962	1,067	1,153
<b>Tổng tài sản ngắn hạn</b>	<b>35,012</b>	<b>37,426</b>	<b>37,651</b>	<b>44,795</b>	<b>52,995</b>
TSCĐ hữu hình	5,375	7,267	8,635	7,926	6,473
TSCĐ vô hình	28.5	27.6	28.1	28.4	28.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	5,000	5,000	5,000
Đầu tư vào Cty LD,LK	56.5	52.8	46.4	46.4	46.4
Tài sản dài hạn khác	1,236	1,366	1,231	1,216	1,196
<b>Tổng tài sản dài hạn</b>	<b>6,696</b>	<b>8,714</b>	<b>14,941</b>	<b>14,217</b>	<b>12,744</b>
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>41,708</b>	<b>46,139</b>	<b>52,592</b>	<b>59,012</b>	<b>65,739</b>
Nợ ngắn hạn	13,031	15,625	14,844	14,102	12,692
Phải trả người bán	12,055	8,659	8,229	9,131	9,867
Nợ ngắn hạn khác	2,900	4,525	5,299	5,851	6,421
<b>Tổng nợ ngắn hạn</b>	<b>28,442</b>	<b>29,531</b>	<b>29,212</b>	<b>30,145</b>	<b>30,259</b>
Nợ dài hạn	1,122	1,127	3,898	3,898	3,898
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
<b>Tổng nợ dài hạn</b>	<b>1,122</b>	<b>1,127</b>	<b>3,898</b>	<b>3,898</b>	<b>3,898</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>29,565</b>	<b>30,658</b>	<b>33,111</b>	<b>34,044</b>	<b>34,158</b>
Vốn chủ sở hữu	12,136	15,472	19,470	24,954	31,564
Lợi ích cổ đông thiểu số	7.79	9.28	11.5	14.3	17.9
<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>12,144</b>	<b>15,482</b>	<b>19,481</b>	<b>24,969</b>	<b>31,581</b>
<b>Tổng nợ phải trả và VCSH</b>	<b>41,708</b>	<b>46,139</b>	<b>52,592</b>	<b>59,012</b>	<b>65,739</b>
BVPS (đ)	27,414	34,185	27,310	34,150	42,141
Nợ thuần*/(tiền mặt)	11,038	9,404	14,451	11,940	7,993

<b>Báo cáo LCTT (tỷ đồng)</b>	<b>12-19A</b>	<b>12-20A</b>	<b>12-21F</b>	<b>12-22F</b>	<b>12-23F</b>
EBIT	4,977	5,216	5,934	7,560	9,274
Khấu hao	(1,443)	(2,196)	(2,701)	(3,300)	(3,739)
Lãi vay thuần	30.8	200	412	580	636
Thuế TNDN đã nộp	(1,092)	(1,495)	(1,623)	(1,942)	(2,190)
Thay đổi vốn lưu động	(6,455)	5,117	(3,900)	(2,701)	(3,139)
Khác	(190)	(442)	123	208	208
<b>LCT thuần từ HĐKD</b>	<b>(1,286)</b>	<b>10,793</b>	<b>3,648</b>	<b>7,005</b>	<b>8,528</b>
Đầu tư TS dài hạn	(3,067)	(3,911)	(3,911)	(2,577)	(2,266)
Góp vốn & đầu tư	(8,997)	(10,675)	0	0	0
Thanh lý	5,913	5,677	(3,943)	(1,000)	(1,000)
Khác	279	335	0	0	0
<b>LCT thuần từ HĐĐT</b>	<b>(5,873)</b>	<b>(8,574)</b>	<b>(7,853)</b>	<b>(3,577)</b>	<b>(3,266)</b>
Cổ tức trả cho CSH	(665)	(679)	(1,069)	(1,096)	(1,498)
Thu từ phát hành CP	85.6	99.2	228	178	183
Tăng/giảm nợ	7,104	2,594	1,991	(742)	(1,410)
Khác	-	-	-	-	-
<b>LCT thuần từ HĐTC</b>	<b>6,525</b>	<b>2,014</b>	<b>1,150</b>	<b>(1,660)</b>	<b>(2,725)</b>
Tiền & tương đương tiền đầu kì	3,750	3,115	7,348	4,292	6,060
<b>LCT thuần trong kỳ</b>	<b>(634)</b>	<b>4,233</b>	<b>(3,056)</b>	<b>1,768</b>	<b>2,537</b>
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.03	0.04	0	0	0
<b>Tiền &amp; tương đương tiền cuối kì</b>	<b>3,115</b>	<b>7,348</b>	<b>4,292</b>	<b>6,060</b>	<b>8,597</b>
<b>Dòng tiền tự do</b>	<b>(4,353)</b>	<b>6,881</b>	<b>(263)</b>	<b>4,428</b>	<b>6,262</b>

<b>Các chỉ số tài chính</b>	<b>12-19A</b>	<b>12-20A</b>	<b>12-21F</b>	<b>12-22F</b>	<b>12-23F</b>
<b>Chỉ số hoạt động</b>					
Tỷ suất LN gộp (%)	19.1	22.1	23.2	23.7	24.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	6.28	6.83	7.25	8.16	8.95
Tỷ suất LNT (%)	3.75	3.61	4.06	4.81	5.45
Thuế TNDN hiện hành (%)	24.1	27.5	23.8	21.3	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	18.1	6.24	9.73	11.7	9.22
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	26.0	15.5	16.5	25.8	19.8
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	33.2	2.18	23.5	32.4	23.7
Tăng trưởng EPS (%)	33.3	(0.03)	(21.6)	29.4	20.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	33.3	(0.03)	18.6	28.4	20.7
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	33.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	17.3	17.3	22.1	17.1	18.9
<b>Chỉ số lợi nhuận</b>					
ROAE (%)	36.3	28.4	27.7	28.8	28.0
ROACE (%)	42.4	34.9	29.7	28.9	28.8
Vòng quay tài sản (lần)	2.93	2.47	2.41	2.38	2.33
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(0.26)	2.07	0.61	0.93	0.92
Số ngày tồn kho	114	83.8	87.4	93.1	101
Số ngày phải thu	8.01	7.35	14.0	13.6	13.5
Số ngày phải trả	53.2	37.4	32.9	32.8	32.8
<b>Cơ cấu vốn</b>					
Nợ thuần*/VCSH (%)	91.6	61.3	74.7	48.3	25.7
Nợ/tài sản (%)	34.1	36.5	35.8	30.7	25.4
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	2.22	2.27	2.18	1.67	1.28
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.23	1.27	1.29	1.49	1.75
<b>Định giá</b>					
EV/doanh thu (lần)	0.68	0.64	0.92	0.82	0.74
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.9	9.39	12.7	10.0	8.27
P/E (lần)	15.4	15.4	19.6	15.1	12.5
P/E ĐC (lần)	23.0	23.1	19.4	15.1	12.5
P/B (lần)	4.85	3.89	4.87	3.89	3.16
Lợi suất cổ tức (%)	1.13	1.13	1.13	1.13	1.50

Ghi chú: \*Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.  
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

## Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

### Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng  
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng  
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng  
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng  
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM  
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

#### TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB  
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM  
T: (+84 28) 3823 3299  
F: (+84 28) 3823 3301

#### CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone  
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm  
T: (+84 24) 3933 4693  
F: (+84 24) 3933 4822

E: [info@hsc.com.vn](mailto:info@hsc.com.vn) W: [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)